TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 28-5-2018.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Ánh Minh
2. Bà Dương Thị Diễm Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Xuân Lan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Kim C, sinh năm 1990, địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 09/5/2018.

2. Bị đơn: Anh Phạm Trung T, sinh năm 1979, địa chỉ: ấp H1, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không lý do lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Dương Thị Kim C trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước chị và anh Phạm Trung T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M1 (nay là huyện M), vào ngày 12/5/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên gia đình chị được khoảng 02 năm thì vợ chồng cùng đi làm thuê ở tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống ở Bình Phước được một thời gian thì anh T về quê chồng ở xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre để sống, chị vẫn tiếp tục ở Bình Phước làm và vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cự cãi, đánh nhau, chị thiếu nợ nhưng anh Tkhông cho tiền chị trả. Anh chị chính

thức sống ly thân cách nay khoảng 04 năm. Trong thời gian sống ly thân anh chị không có gặp gỡ nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xin đươc ly hôn với anh T vì không còn tình cảm.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Phạm Thị Kim X, sinh ngày 01/10/2008, con hiện đang sống với anh T. Nay ly hôn chị đồng ý để anh T tiếp tục trực tiếp nuôi cháu X, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2018; bị đơn anh Phạm Trung T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất phần trình bày của chị C về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Tuy nhiên, về nguyên nhân mất hạnh phúc chị Ctrình bày không đúng. Chị C nộp đơn ly hôn tại Tòa với lý do anh đánh đập vợ, gây nợ là không đúng sự thật. Nguyên nhân mất hạnh phúc dẫn đến mâu thuẫn trong hôn nhân là do chị C không chung thủy. Hiện anh không còn tình cảm với chị Cnhưng do chị C trình bày không đúng nguyên nhân mất hạnh phúc giữa hai vợ chồng nên anh không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Phạm Thị Kim X, sinh ngày 01/10/2008, con hiện đang sống với anh. Nay ly hôn nếu con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, nếu con sống với chị C thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi, nếu con sống với anh thì anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 10/4/2018, cháu Phạm Thị Kim X trình bày như sau:

Hiện cháu đang học lớp 4^2, trường tiểu học H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Hiện cháu đang sống với cha. Nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha. Theo cháu, cha có đầy đủ điều kiện đảm bảo nhu cầu học tập, vật chất, tinh thần cho cháu. Vì lý do bận đi học nên cháu xin được vắng mặt trong quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đảm bảo.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C; Về con chung: Anh T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Thị Kim X, sinh ngày 01/10/2008, ghi nhận việc chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi

tháng 700.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi; Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Đối với nguyên đơn chị Dương Thị Kim C có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 09/5/2018 nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C là phù hợp. Đối với bị đơn anh Phạm Trung T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên Tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Dương Thị Kim C và anh Phạm Trung T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống bên gia đình chị C được khoảng 02 năm thì anh chị cùng đi làm thuê ở tỉnh Bình Phước được một thời gian thì anh T về quê ở xã H sống, chị C vẫn tiếp tục ở Bình Phước. Anh chị chính thức sống ly thân cách nay khoảng 04 năm. Trong thời gian sống ly thân anh chị không có gặp gỡ nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị C cho rằng nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cự cãi, đánh nhau, chị thiếu nợ nhưng anh T không cho tiền chị trả. Nay chị xin đươc ly hôn với anh T vì không còn tình cảm. Anh T xác định việc chị C nộp đơn ly hôn tại Tòa với lý do anh đánh đập chị C, gây nợ là không đúng sự thật. Nguyên nhân mất hạnh phúc dẫn đến mâu thuẫn trong hôn nhân là do chị C không chung thủy. Hiện anh không còn tình cảm với chị C nhưng do chị C trình bày không đúng nguyên nhân mất hạnh phúc giữa hai vợ chồng nên anh không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh T, chị C đã tồn tại một thời gian dài, đã có với nhau một con chung nhưng anh chị không biết vun đắp tình cảm, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ mà ngược lại đã để cho những mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, sống bỏ mặc không quan tâm nhau dẫn đến chị C đã nộp đơn xin ly hôn với anh T. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho anh T đến Tòa để tham gia hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do chứng minh anh không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Ngoài ra, anh T và chị C đều xác định hiện anh chị không còn tình cảm với nhau. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị C và anh T có 01 con chung tên Phạm Thị Kim X, sinh ngày 01/10/2008, hiện đang sống với anh T. Nay ly hôn chị C để anh T tiếp tục trực tiếp nuôi cháu X, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh T có ý kiến rằng nếu con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, nếu con sống với chị C thì anh sẽ cấp dưỡng

nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi, nếu con sống với anh thì anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 10/4/2018, cháu X trình bày nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng sống với cha. Vì vậy, anh T được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu X là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu X. Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện nhưng Hội đồng xét xử xét thấy việc chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu X nhằm đảm bảo nhu cầu vật chất để nuôi cháu X được tốt hơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng đến khi cháu X tròn 18 tuổi.

[4] *Về chia tài sản:* Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập.

[5] *Về án phí:* Chị Dương Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Kim C.

Chị Dương Thị Kim C được ly hôn với anh Phạm Trung T.

2. Về nuôi con chung: Anh Phạm Trung T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Thị Kim X, sinh ngày 01/10/2008, chị Dương Thị Kim C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng. Hình thức cấp dưỡng: mỗi tháng cấp 01 lần. Thời hạn cấp dưỡng: tính từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu X tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập.

4. Về án phí:

Chị Dương Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị C đã nộp theo biên lai thu số******* ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Chị Dương Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã H (35, 01/2008)
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Kim Sang